

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh, bổ sung quy mô và phê duyệt
báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Cắm mốc
ranh giới rừng đặc dụng - phòng hộ Thuận Châu

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư 31/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phân định ranh giới rừng; Thông tư số 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 2787/QĐ-UBND ngày 10/12/2020 của UBND tỉnh Sơn La về việc ban hành quy định về quản lý, điều hành ngân sách địa phương năm 2021; Quyết định số 2788/QĐ-UBND ngày 10/12/2020 của UBND tỉnh Sơn La về việc giao dự toán thu, chi năm 2021;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm tỉnh Sơn La tại Tờ trình số 89/TTr-CCKL ngày 29/7/2021; kết quả thẩm định số 206/SXD-KQTĐ ngày 19/7/2021 của Sở Xây dựng Sơn La về việc thông báo kết quả thẩm định hồ sơ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Cắm mốc ranh giới rừng đặc dụng - phòng hộ Thuận Châu.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung số lượng mốc phân định ranh giới và bảng chỉ dẫn đã giao tại Quyết định số 295/QĐ-UBND ngày 18/02/2020 cho 03 xã thuộc huyện Quỳnh Nhai do Ban quản lý rừng đặc dụng - phòng hộ Thuận Châu được

quy hoạch mở rộng thêm diện tích đất lâm nghiệp, đảm bảo phù hợp với các quy định và không làm tăng tổng mức đầu tư của dự án, trong đó: Bổ sung thêm 21 mốc phân định ranh giới và 02 bảng chỉ dẫn.

Điều 2. Phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Cắm mốc ranh giới rừng đặc dụng - phòng hộ Thuận Châu với những nội dung chủ yếu sau:

1. Tên công trình: Cắm mốc ranh giới rừng đặc dụng - phòng hộ Thuận Châu.

2. Chủ đầu tư: Chi cục Kiểm lâm tỉnh Sơn La.

3. Tổ chức tư vấn lập báo cáo kinh tế kỹ thuật: Chi nhánh Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Quốc tế.

4. Chủ nhiệm lập báo cáo kinh tế kỹ thuật: Kỹ sư Nguyễn Đăng Tiến.

5. Mục tiêu đầu tư xây dựng: Việc xây dựng các mốc ranh giới diện tích rừng nhằm mục tiêu bảo tồn hệ sinh thái, phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý các trường hợp cố tình huỷ hoại tài nguyên rừng, lấn chiếm đất rừng. Đồng thời làm cơ sở để xây dựng các dự án thành phần phục hồi, bảo tồn đa dạng sinh học và các nguồn gen quý hiếm phục vụ cho nghiên cứu khoa học và thăm quan du lịch.

6. Nội dung, quy mô đầu tư xây dựng, giải pháp kỹ thuật chủ yếu

6.1 Quy mô xây dựng:

- Cắm mốc ranh giới số lượng 373 mốc;
- Bảng chỉ dẫn số lượng 10 bảng.

6.2. Các giải pháp kỹ thuật chủ yếu:

Mốc ranh giới:

- Kết cấu, kiến trúc: Đế mốc đổ bê tông xi măng mác 200, kích thước (0,8x0,6x0,75)m, thân mốc đổ bê tông cốt thép đúc sẵn mác 200, kích thước (0,3x0,12x1,0)m; thân mốc sơn màu trắng, ký hiệu mốc khắc chìm, mặt chữ sơn màu đỏ;

Bảng chỉ dẫn:

- Kết cấu, kiến trúc: Móng đổ bê tông cốt thép mác 200, kích thước (0,7x0,7x1,0)m; cột, bảng bằng bê tông cốt thép đúc sẵn mác 200; mặt bảng sơn trực tiếp.

6.3. Các chi tiết khác: Theo hồ sơ thiết kế BVTC trình thẩm định.

7. Địa điểm xây dựng: Tại khu rừng đặc dụng - phòng hộ Thuận Châu thuộc huyện Thuận Châu, huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La.

8. Loại và cấp công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp III.

9. Tổng mức đầu tư: 4.774.815.000 đồng. (Bằng chữ: Bốn tỷ, bảy trăm bảy mươi tư triệu tám trăm mười năm nghìn đồng chẵn).

Trong đó:

- Chi phí xây dựng	4.092.460.134 đồng
- Chi phí QLDA	102.795.158 đồng
- Chi phí tư vấn ĐTXD	270.013.460 đồng
- Chi phí khác	82.173.722 đồng
- Chi phí dự phòng	227.372.124 đồng

(Chi tiết có phụ biểu kèm theo)

10. Nguồn vốn đầu tư: Đã giao tại Quyết định số 2788/QĐ-UBND ngày 10/12/2020 của UBND tỉnh Sơn La.

11. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư thuê Tư vấn quản lý dự án theo quy định tại Khoản 2, Điều 20, Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ.

12. Tiến độ thực hiện: Năm 2021.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Chi cục Kiểm lâm tỉnh Sơn La (*Chủ đầu tư*) có trách nhiệm tổ chức thực hiện dự án theo Điều 1, Quyết định này đảm bảo đúng mục tiêu, hiệu quả; không để thất thoát, lãng phí vốn đầu tư; quản lý dự án, quản lý chi phí đầu tư, quản lý chất lượng công trình xây dựng theo đúng quy định; chủ động rà soát và thực hiện các nội dung kiến nghị của Sở Xây dựng tại Công văn số 206/SXD-KQTĐ ngày 19/7/2021.

2. Sở Xây dựng chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả thẩm định.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Thuận Châu, Quỳnh Nhai; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm; Thủ trưởng các ngành, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 4;
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, Phú 15b.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thành Công



PHỤ LỤC BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN CÔNG TRÌNH
CÔNG TRÌNH : CẮM MỐC RANH GIỚI DIỆN TÍCH RỪNG ĐẶC DỤNG - PHÒNG HỘ THUẬN CHÂU
(Kèm theo Quyết định số 1852/QĐ-UBND ngày 30/7/2021 của UBND tỉnh Sơn La)

Đơn vị tính: đồng

STT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Cột mốc Rừng ĐD - PH Thuận Châu+QN	Bảng Rừng Rừng ĐD - PH Thuận Châu+QN	Tổng
1	Chi phí xây dựng		3.863.944.174	228.515.960	4.092.460.134
	Chi phí xây dựng		3.863.944.174	228.515.960	4.092.460.134
2	Chi phí quản lý dự án	Gqlda	97.055.252	5.739.905	102.795.158
3	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	Gtv	259.046.496	10.966.964	270.013.460
3.1	Chi phí khảo sát	Gtv1	96.614.172	0	96.614.172
3.2	Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật	Gtv2	42.280.541	3.991.992	46.272.534
3.3	Chi phí thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công	Gtv3	2.780.855	216.144	2.996.998
3.4	Chi phí thẩm tra dự toán công trình	Gtv4	2.696.159	209.561	2.905.719
3.5	Chi phí Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công XD	Gtv5	7.727.888	457.032	8.184.920
3.6	Chi phí thẩm định HSMT thi công xây dựng	Gtv6	1.931.972	114.258	2.046.230
3.7	Chi phí thẩm kết quả lựa chọn nhà thầu thi công XD	Gtv7	1.931.972	114.258	2.046.230
3.8	Chi phí giám sát công tác khảo sát	Gtv8	3.934.129	0	3.934.129
3.9	Chi phí giám sát thi công xây dựng	Gtv9	99.148.808	5.863.720	105.012.527
4	Chi phí khác	Gk	77.547.460	4.626.263	82.173.722
4.1	Phí thẩm định BCKTKT (Thông tư 209/2016/TT-BTC)	Gk1	228.000	0	228.000
4.2	Phí bảo hiểm công trình	Gk2	7.727.888	457.032	8.184.920
4.3	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán (Thông tư 10/2020/TT-BTC)	Gk3	10.958.901	636.837	11.595.739
4.4	Chi phí kiểm toán độc lập (Thông tư 10/2020/TT-BTC)	Gk4	40.605.614	2.359.649	42.965.263
4.5	Chi phí công tác nghiệm thu CT trước khi đưa vào sử dụng	Gk5	18.027.056	1.172.744	19.199.800
5	Chi phí dự phòng	Gdp	214.879.669	12.492.455	227.372.124
5.1	Chi phí dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh	Gdp1	214.879.669	12.492.455	227.372.124
6	TỔNG CỘNG (LÀM TRÒN)		4.512.473.000	262.342.000	4.774.815.000

59